

Bản án số: 101/2019/HS-ST
Ngày: 02-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Lâm

2. Ông Nguyễn Hữu Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, tên gọi khác: không; Sinh ngày: 10/5/1996 tại thành phố Đà Nẵng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 42, phường N, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hoá (học vấn): 07/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1965) và bà Lê Thị B (sinh năm 1968); Vợ, con: chưa; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án: Ngày 16/07/2015 bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 32/2015/HSST.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 22/11/2012 bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 30 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 81/2012/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ/tạm giam ngày 12/6/2019. Hiện đang bị tạm giam, có mặt tại phiên tòa.

2. Võ Văn T1, tên gọi khác: không; Sinh ngày: 12/03/1993 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 27, phường N, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Tr (sinh năm 1961) và bà Phạm Thị Th (sinh năm 1963); Vợ,

con; chưa; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba;

Tiền án: không.

Tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 28/5/2019 bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo Bản án số 65/2019/HS-ST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ/tạm giam ngày 07/4/2019. Hiện bị cáo đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng theo Quyết định thi hành án hình phạt tù số 99/2019/QĐ-CA ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Ông Trần Viết H, sinh năm 1979; Địa chỉ: K41/1 đường L, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (*Vắng mặt*).

+ Bà Bùi Thị T2, sinh năm: 1957; Địa chỉ: Số 825 đường T, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (*Vắng mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Hữu H1 (Cu Ty), sinh năm 1973; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 01 phường V, quận K, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Tổ 02, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 29/01/2019, Võ Văn T1 điều khiển xe mô tô hiệu Sirius (*không rõ biển số*) thuê tại một tiệm cầm đồ (*không rõ địa chỉ*) tại khu vực K, quận L, thành phố Đà Nẵng đến quán internet “L” ở số 34 đường A, phường B, quận L, thành phố Đà Nẵng để chơi. Tại đây, T1 gặp Nguyễn Văn T, do thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên cả hai rủ nhau đi dạo trên các tuyến đường tìm kiếm sơ hở để trộm cắp tài sản. T1 dùng xe mô tô nói trên chở T đi dạo quanh các tuyến đường, khi đi ngang qua trước nhà số K41/01 đường L, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng của anh Trần Viết H (*sinh năm 1979; trú tại: K41/01 L, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng*) thấy cửa ban công tầng 2 ở trạng thái mở, xung quanh không có người dân. Lúc này T1 đứng ngoài cảnh giới còn T trèo lên hàng rào bám vào lan can ban công tầng 2 đột nhập vào trong lấy trộm được một máy tính xách tay màu đen hiệu ASUS để trên bàn học tầng 2 và số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*) ở trong túi quần treo ở tầng 1 rồi thoát ra ngoài cùng với T1 điều khiển xe bỏ chạy. Số tiền có được T và T1 chia nhau mỗi người 5.000.000đ (*năm triệu đồng*), còn chiếc máy tính xách tay thì T khai đem bán cho một người tên Nguyễn Hữu H1 (*sinh năm 1973; Trú tại: Tổ 02, phường M, quận L, thành phố Đà Nẵng*) được 2.000.000đ (*hai triệu đồng*), quá trình điều tra không thu hồi được. Toàn bộ số tiền có được, cả hai chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 22/03/2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự quận Thanh Khê xác định máy tính xách tay hiệu ASUS X507MA màu đen nói trên có giá trị 1.400.000đ (*một triệu, bốn trăm nghìn*

đồng). Tổng giá trị mà T và T1 trộm cắp được trong vụ án này là 11.400.000đ (mười một triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T còn khai nhận thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác trên địa bàn quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, cụ thể: Khoảng 02 giờ sáng ngày 10/03/2019, T đi bộ qua phía sau nhà nghỉ “B2” ở số 825 đường T, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thấy cửa phía sau không đóng, bên trong không có người trông coi nên T đi vào bên trong trộm cắp của bà Bùi Thị T2 (sinh năm 1957; trú cùng địa chỉ trên) các tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh loại TA-1034; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen loại TA-1034 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng loại TA-10100 rồi tẩu thoát. Tài sản trộm cắp được T khai đã bán chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh loại TA-1034 cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) tại khu vực chợ K, quận L, thành phố Đà Nẵng được 150.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết. Riêng điện thoại di động hiệu Nokia màu đen loại TA-1034 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng loại TA-10100 thì T để lại sử dụng cá nhân, khi làm việc với Cơ quan Điều tra, T đã tự nguyện giao nộp 02 chiếc điện thoại nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 14/06/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Thanh Khê xác định tổng giá trị của 03 (ba) chiếc điện thoại nói trên là 390.000đ (ba trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó mỗi chiếc là 130.000 đồng.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen loại TA-1034 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng loại TA-10100.

* Xử lý vật chứng: Ngày 02/7/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen loại TA-1034 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng loại TA-10100 cho bị hại là bà Bùi Thị T2.

* Trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Trần Viết H và bà Bùi Thị T2 không yêu cầu đền bù gì.

Cáo trạng số 107/CT-VKSTK ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo Võ Văn T1 về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Văn T1 trình bày nội dung sự việc và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố là đúng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Văn T1 phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm b, g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Võ Văn T1 từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Đề nghị HĐXX

áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt với 12 tháng tù của Bản án số 65/2019/HS-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Trần Viết H và bà Bùi Thị T2 không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Ngày 02/7/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã trả lại 02 điện thoại di động cho chủ sở hữu là bà Bùi Thị T2 là đúng quy định nên không đề cập.

- Các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Văn T1 không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát.

- Bị cáo Nguyễn Văn T không nói lời nói sau cùng.

- Bị cáo Võ Văn T1 nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thì thấy: Qua xem xét lời khai nhận tội của các bị cáo, lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 29/01/2019, Võ Văn T1 đứng ngoài cánh giới để Nguyễn Văn T lén lút đột nhập vào nhà của ông Trần Viết H tại địa chỉ K41/01 đường L, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị là 11.400.000đ (*mười một triệu, bốn trăm nghìn đồng*) và ngày 10/3/2019, Nguyễn Văn T đột nhập vào nhà nghỉ “B2” tại địa chỉ số 825 đường T, phường X, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng trộm cắp tài sản của bà Bùi Thị T2 03 chiếc điện thoại di động có giá trị là 390.000đ (*ba trăm chín mươi nghìn đồng*). Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét thấy, các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Văn T1 là thanh niên có tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng không chịu lao động chân chính, thích có tiền tiêu xài cá nhân nhưng không phải do sức lao động của mình làm ra nên các bị cáo đã phạm tội. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, không có sự phân công chặt chẽ khi thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi

phạm tội của các bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, tạo ra dư luận xấu trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, gây nên sự bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc mới có đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, năm 2012 bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội. Ngày 16/07/2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 nhưng chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong án hình phạt tù tại Bản án số 32/2015/HSST ngày 16/07/2015 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng thì bị cáo tiếp tục thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 11.790.000đ (*mười một triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng*). Bị cáo tham gia phạm tội rất tích cực và là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp định khung là “*tái phạm nguy hiểm*” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Ngoài bị truy tố về tình tiết “*tái phạm nguy hiểm*” như đã nêu trên thì Cáo trạng của Viện Kiểm sát còn truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tình tiết phạm tội “*có tính chất chuyên nghiệp*” do Bản án số 32/2015/HSST ngày 16/7/2015 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xử phạt T 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b (*có tính chất chuyên nghiệp*), e (*chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*) theo khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 chưa được xóa án tích nay bị cáo T tiếp tục thực hiện 02 vụ trộm cắp nên thuộc trường hợp định khung “*có tính chất chuyên nghiệp*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi chấp hành xong hình phạt tù theo bản án số 32/2015/HSST ngày 16/07/2015 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, bị cáo trở về địa phương có lao động là làm thợ nề, có thu nhập, bị cáo không lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính; mặt khác trong 02 vụ mà T thực hiện hành vi trộm cắp thì có 01 vụ có giá trị tài sản dưới 2.000.000 đồng nên không có căn cứ để xác định bị cáo T phạm tội có tính chất chuyên nghiệp như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đối với bị cáo Võ Văn T1, trong vụ án này bị cáo tham gia thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản cùng với bị cáo T, với vai trò đồng phạm, bị cáo đứng cảnh giới để bị cáo T trực tiếp đột nhập vào nhà của ông Trần Viết H để trộm cắp tài sản, giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 11.400.000 đồng nên bị cáo T1 phải chịu chung trách nhiệm với bị cáo T. Bị cáo tham gia phạm tội tích cực, tuy nhiên tính tích cực của bị cáo vẫn thấp hơn bị cáo T. Hành vi phạm tội của bị cáo Võ Văn T1 thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó cần phải tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nhằm giáo dục, cải tạo để các bị cáo có điều kiện tu dưỡng, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn T thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản nên thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; bị cáo Võ Văn T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Văn T1 khai báo thành khẩn và có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với từng bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo Võ Văn T1 đang phải chấp hành hình phạt 12 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo Bản án số 65/2019/HS-ST ngày 28/5/2019. Căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành quyết định hình phạt của tội phạm bị xét xử ngày hôm nay và tổng hợp với hình phạt 12 tháng tù tại Bản án số 65/2019/HS-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị hại là ông Trần Viết H và bà Bùi Thị T2 vắng mặt nhưng quá trình điều tra, ông H và bà T2 không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về xử lý vật chứng: Ngày 02/7/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen loại TA-1034 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng loại TA-10100 cho chủ sở hữu là bà Bùi Thị T2 là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Đối với đối tượng Nguyễn Hữu H1 có hành vi mua chiếc máy tính xách tay hiệu Asus mà Nguyễn Văn T trộm cắp được, quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê đã tiến hành xác minh để làm việc với H1. Tuy nhiên qua xác minh thì thấy hiện nay H1 không có mặt tại nơi cư trú, đi đâu làm gì không ai biết. Do đó, cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê tiếp tục điều tra xử lý sau.

[9] Đối với người đàn ông (*không rõ nhân thân, lai lịch*) có hành vi mua lại tài sản là chiếc điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh loại TA-1034 mà T trộm cắp được, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Văn T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 6 năm 2019.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T1 phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Võ Văn T1 **15 (mười lăm)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Võ Văn T1 phải chấp hành hình phạt tù của bản án này và tổng hợp với hình phạt **12 (mười hai)** tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản*" tại Bản án số 65/2019/HS-ST ngày 28/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Buộc bị cáo Võ Văn T1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là: **27 (hai mươi bảy)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07 tháng 4 năm 2019.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Võ Văn T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Trại tạm giam CA TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐTCA quận Thanh Khê;
- Cơ quan THAHS CA quận Thanh Khê;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đức Thiện